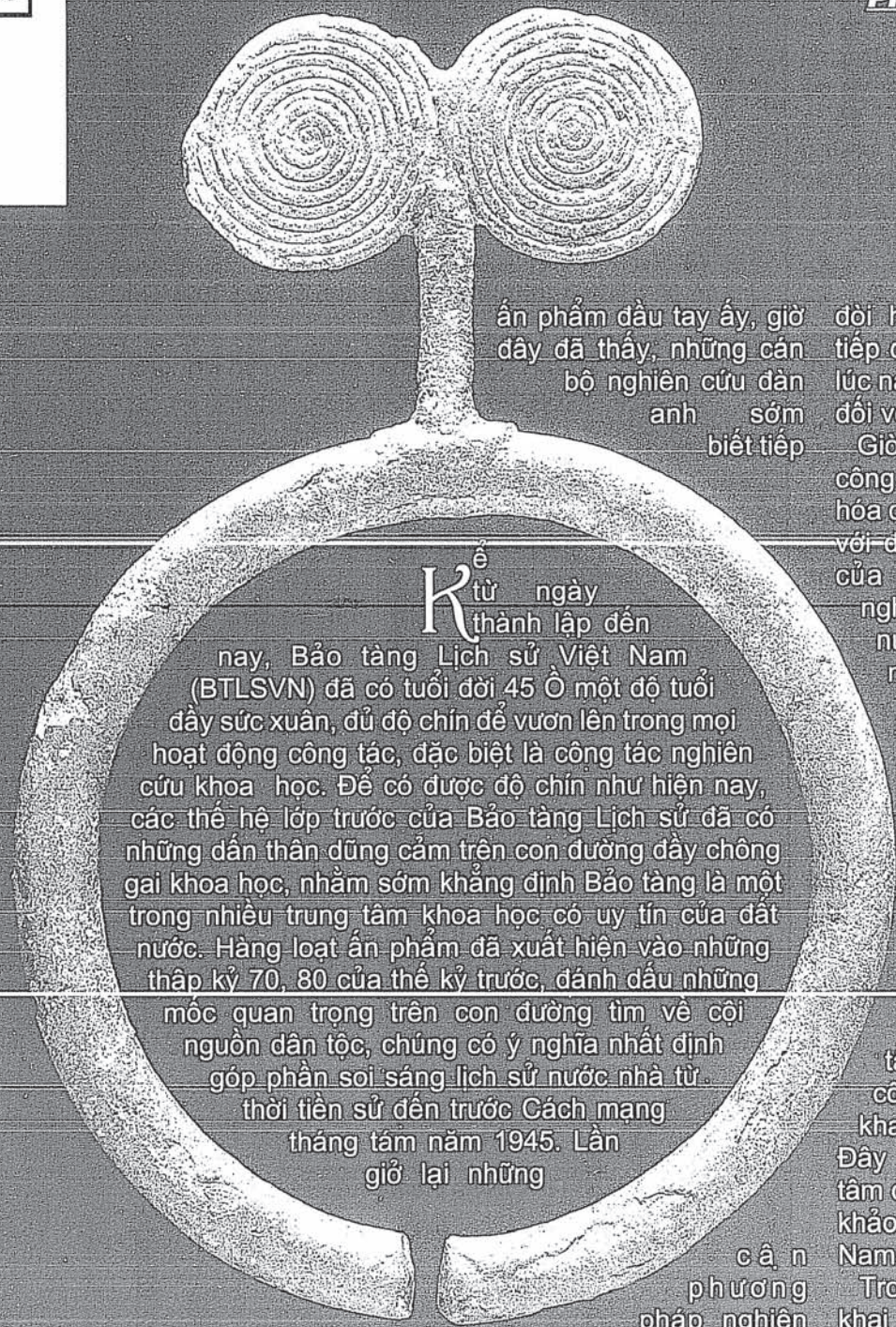


Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam

VỚI HƯỚNG TIẾP CẬN LIÊN/ĐA NGÀNH

PHẠM QUỐC QUÂN*



án phẩm đầu tay ấy, giờ đây đã thấy, những cán bộ nghiên cứu dần anh sớm biết tiếp

dòi hỏi của phương pháp tiếp cận này luôn đặt ra và lúc nào cũng là điều trăn trở đối với họ.

Giờ đây với chủ trương công nghiệp hoá ở hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước, với đòi hỏi ngày càng cao của nhân dân, của giới nghiên cứu trong và ngoài nước, hướng tiếp cận nghiên cứu liên ngành đặt ra với tất cả các khâu công tác: nghiên cứu sưu tầm, kiểm kê, bảo quản và trưng bày tuyên truyền của BTLSVN lại trở nên hết sức cấp thiết.

1. Công tác nghiên cứu sưu tầm.

Trong hoạt động sưu tầm của mình, có một công tác của BTLSVN là khai quật khảo cổ học. Đây là một trong ba trung tâm có chức năng khai quật khảo cổ học duy nhất ở Việt Nam.

Trong hầu hết các cuộc khai quật, cán bộ nghiên cứu sưu tầm luôn đối mặt với những vấn đề đặt ra từ rất nhiều hiện tượng qua một di chỉ, mà nếu chỉ riêng ngành khảo cổ học thì khó có thể giải quyết được.

Kể từ ngày thành lập đến nay, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (BTLSVN) đã có tuổi đời 45 ở một độ tuổi đầy sức xuân, đủ độ chín để vươn lên trong mọi hoạt động công tác, đặc biệt là công tác nghiên cứu khoa học. Để có được độ chín như hiện nay, các thế hệ lớp trước của Bảo tàng Lịch sử đã có những dấn thân dũng cảm trên con đường đầy chông gai khoa học, nhằm sớm khẳng định Bảo tàng là một trong nhiều trung tâm khoa học có uy tín của đất nước. Hàng loạt ấn phẩm đã xuất hiện vào những thập kỷ 70, 80 của thế kỷ trước, đánh dấu những mốc quan trọng trên con đường tìm về cội nguồn dân tộc, chúng có ý nghĩa nhất định góp phần soi sáng lịch sử nước nhà từ thời tiền sử đến trước Cách mạng tháng tám năm 1945. Lần giở lại những

cán bộ nghiên cứu liên ngành để giải quyết những vấn đề của thời đại đã cũ, đã mới, thời đại đồng sắt sớm... với bao khó khăn về phương tiện, kinh phí, trong khi những

* TS. Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam

Lấy một vài ví dụ, giải quyết như thế nào đây, khi phủ trên một tầng văn hoá có những công cụ của người tiền sử ở hang Mái đá Ngườm (Thái Nguyên)(1) là những lớp dày của bụi đá vôi vô sinh ngăn cách hai lớp văn hoá. Những nhà địa chất, những nhà nghiên cứu khí hậu học phải vào cuộc. Đương nhiên, nhà khảo cổ học phải đề xuất về những vấn đề đặt ra với những giả thiết liên quan tới địa chất, khí hậu cổ phù hợp với hiện tượng lớp vô sinh ngăn cách giữa hai tầng văn hoá trong di chỉ Ngườm.

Rồi những phát hiện đầu tiên về văn hoá Sơn Vi ở vùng đồi gò Vĩnh Phú, giờ đây thấy phủ rộng cả Bắc giang, Hoà Bình, Sơn La, Quảng Nam v.v... đã gây bao nhiêu tranh luận, đó là văn hoá Hậu kỳ đá cũ hay

phải chăng chỉ là "Văn hoá gốc sản"(2). Song, tới nay với tư liệu ngày một tích lũy, những phân tích về kỹ thuật học, loại hình học, kết hợp với kết quả nghiên cứu cổ khí hậu, địa chất, đã cho phép nhận nhìn, hầu hết các di tích văn hoá Sơn Vi đều nằm ở thềm bậc 2,3 của những con sông cổ.

Thời đại kim khí, cho dù khí hậu thời Holocen không khác là bao so với ngày nay, nhưng nhiều trường hợp cụ thể, không khỏi phải viện dẫn đến các nhà địa lý, địa chất, cổ khí hậu..., với hiện tượng biển tiến, biển lùi mà các di chỉ, các làng xóm của cư dân thời đại này phải đổi mặt.

Trong những tầng văn hoá của họ còn chứa đựng biết bao tàn tích của xương răng động vật, thảm thực vật cổ..., nên rất cần có sự tham gia của các nhà cổ sinh vật học. Họ cho biết

giống loài động vật nào hoang dã do kinh tế săn bắn đem lại. Giống loài nào đã thuần dưỡng do chăn nuôi. Những mẫu phân tích bào tử phấn hoa cho biết thảm thực vật thời cổ, để từ đó khôi phục được một nền kinh tế nông nghiệp đương thời. Cũng từ đây người ta biết được sự xuất hiện lạ lùng của những bào tử phấn hoa hiện đại nếu có, để giải thích nguyên nhân cho sự lạ lẫm ấy trong thảm thực vật truyền thống. Những công việc của ngành khảo cổ học nói chung, của BTLSVN nói riêng, còn phải tìm hiểu cả nguyên liệu và kỹ thuật dệt, bởi trong các ngôi mộ cổ, người ta đã tìm thấy những công cụ và sản phẩm của nghề dệt thủ công truyền thống. Các nhà sinh vật phải giúp trả lời loại cây gai ưa trồng nào ở vùng



Trung bày trống đồng
Ảnh: KT

cao khô là nguyên liệu cho những sợi đã dệt ra những tấm vải thô ở những thế kỷ trước sau công nguyên. Thế nhưng, hầu hết các di chỉ tìm thấy loại vải này lại ở vùng lầy trũng. Phải chăng đã có sự trao đổi "ngoại thương" giữa những bộ lạc núi và bộ lạc vùng thấp? Mặt khác, các nghệ nhân, các nhà nghiên cứu ngành nghề thủ công truyền thống cũng phải tham gia, khi chúng ta phát hiện những bộ đồ sơn, những công nghệ đúc đạt tới một sự hoàn mỹ trong các ngôi mộ cổ có niên đại cách ngày nay trên dưới 2000 năm. Nếu như chúng ta không tìm thấy trong ngôi mộ Đường Dù (Hải Phòng), có niên đại sau đó vài thế kỷ, có công cụ của người thợ làm đồ sơn kèm theo đó là bộ đồ thợ mộc thì dễ nghĩ tới các hiện vật kể trên là hàng nhập khẩu. Như vậy, ở hầu hết các cuộc khai quật khảo cổ học, luôn luôn phải đặt ra hướng tiếp cận nghiên cứu đa - liên ngành.

Một thực tế, nếu như không có các nhà cổ nhân học, sẽ không thể thấy được nguồn gốc dân tộc - chủ nhân của những nền văn hoá nổi tiếng Phùng Nguyên - Đông Đậu - Gò Mun - Đông Sơn. Họ cho chúng ta biết được tuổi thọ trung bình của người thời đó, là nam hay nữ? Từ gợi ý ấy, các nhà khảo cổ càng khẳng định thêm giới tính liên quan tới bộ sưu tập hiện vật chôn theo.

Cũng từ kết quả của nhân học, mà trong con tàu cổ bị đắm ở gần Cù Lao Chàm

(Hội An), đã biết được có cả phụ nữ và trẻ em -- là gia quyến của thương lái. Đồng thời, những thông tin từ một loại gỗ làm tàu có xuất xứ ở Thái Lan, càng hỗ trợ thêm cho nhận định về nhân học và ngược lại, tìm thêm trong chính sử, có thể tin được quan hệ buôn bán giữa nước ta và Thái Lan đã khá phát triển vào đầu thế kỷ 15.

Trong khoảng thời gian một thập niên trở lại đây, khảo cổ học lịch sử cũng đã bắt đầu tiếp cận nhiều hơn trong nghiên cứu liên ngành. Những phân tích về mẫu vật liệu kiến trúc trong các di tích kiến trúc cung đình ở Thăng Long - Lam Kinh - Huế, đã được thực hiện, nhằm cung cấp hiệu quả hơn cho việc sử dụng các vật liệu phục hồi kiến trúc sát với thực tế, để có được công trình tu sửa tôn tạo đảm bảo được tính khoa học cao. Khảo cổ học lịch sử ngày càng phải tiếp cận với các nhà nghiên cứu nghệ thuật, các nhà Hán - Nôm học... để có thêm những đánh giá xác đáng hơn trong nghiên cứu của mình.

Nói tóm lại nghiên cứu đa/liên ngành dường như là một đòi hỏi cấp thiết nhất trong khâu nghiên cứu - sưu tầm của BTL SVN hiện nay, cũng như của hầu hết các ngành chuyên môn, các cơ quan.

2- Công tác kiểm kê bảo quản.

Kho BTL SVN có khoảng 120.000 hiện vật, bao gồm các chất liệu: đá, đồng, gốm, gỗ, giấy, vải, vàng bạc và đá quý v.v...

Gần một thập niên trở lại đây, được sự đầu tư của Bộ Văn hoá Thông tin, hệ thống kho Bảo tàng Lịch sử với những thiết bị tạo sự ổn định về nhiệt độ và độ ẩm, đảm bảo cho việc bảo quản lâu dài hiện vật. Các chuyên gia nước ngoài đánh giá đây là một hệ thống kho tàng đạt tiêu chuẩn, cho dù còn một vài kho cần được cải tạo nâng cấp hơn.

Tuy nhiên, ngoài việc bảo quản bằng phương pháp cơ học, do một phòng chuyên môn đảm nhiệm, thì phòng này còn phối hợp với nhiều cơ quan chuyên môn khác thực hiện việc phân tích về thành phần hoá học của những loại chất liệu và bảo quản định kỳ bằng phương pháp Hoá - Lý. Để từ đó có một phương pháp bảo quản thích hợp.

Trong năm tới đây, nếu như được phép của Bộ Văn hoá Thông tin, BTL SVN phối hợp với Bảo tàng Kiu-Siu (Nhật Bản) sẽ đúc lại trống đồng Ngọc Lũ bằng phương pháp cổ truyền, bởi vậy những phân tích quang phổ định tính và định lượng của đồ đồng nói chung, trống Ngọc Lũ nói riêng phải được thực hiện. Ngoài ra, phải tiếp xúc với các nghệ nhân đúc ở các trung tâm đúc đồng, để có được một cách tiếp cận thực nghiệm khả dĩ nhất theo đó, hy vọng có được một phiên bản trống Ngọc Lũ đủ tiêu chuẩn. Những lần đúc thử trước đây (vào thập niên 70 của thế kỷ trước) BTL SVN đã phối hợp với nhiều cơ quan khác thực hiện đúc phiên bản song, hoa văn

không rõ nét, trông dày hơn, nặng hơn 40kg.

Hiểu được người Việt cổ áp dụng kỹ thuật đúc như thế nào để có những kiệt tác như trống Ngọc Lũ, Cổ Loa, Hoàng Hạ..., thì, không có cách nào khác hơn là phải thực nghiệm, một trong nhiều hướng tiếp cận lý thú nhất của khảo cổ học hiện nay.

Đối với kho gốm, đặc biệt là những đồ gốm khai quật được trong các con tàu cổ bị đắm, phương pháp làm sạch muối bằng ngâm hiện vật trong bể nước ngọt là phổ biến, nhưng cũng không ít trường hợp phải dùng hoá chất để xử lý. Để tìm hiểu xuất xứ những đồ gốm cổ, đặc biệt với gốm Việt Nam, khá nhiều mẫu gốm đã được phân tích quang phổ. Từ sự so sánh thành phần hoá học của xương gốm, men gốm giúp cho các nhà nghiên cứu tìm được các trung tâm sản xuất, các lò gốm. Đây là một phương pháp được áp dụng khá sớm đối với các nhà nghiên cứu gốm, thế nhưng ở Việt Nam, mấy năm trở lại đây mới được áp dụng. Hiệu quả của việc áp dụng các phương pháp khoa học tự nhiên trong lĩnh vực này đã có tác dụng rất lớn trong nhận thức nhiều mặt.

Với kho hiện vật hữu cơ, BTL SVN đã phối hợp với trung tâm bảo quản thực phẩm để bảo quản hiện vật giấy vải, bằng cách dùng tủ chân không để xả khí nitơ, làm cho môi trường kho không có côn trùng gây hại (mọt, nhậy), đồng thời không làm tổn hại cho hiện

vật, lại giảm được chi phí. Tuy nhiên trước khi áp dụng phương pháp này, các nhà bảo quản của BTL SVN phải phối hợp với khoa Sinh của Trường đại học Khoa học Tự nhiên, phân tích rất nhiều mẫu để tìm ra được vi khuẩn có hại trong kho. Những vi khuẩn này phải bị diệt nếu sống trong môi trường Nitơ.

Từ 2001-2004, BTL SVN được Bảo tàng Mariemont, một bảo tàng Hoàng gia của Vương quốc Bỉ, đào tạo chuyên môn bảo quản và tu sửa hiện vật, theo đó bước đầu trang bị cho BTL SVN một phòng thí nghiệm khiêm tốn. Chuyển giao kỹ thuật tiên tiến trong bảo quản cũng như kỹ thuật tu sửa hiện vật bảo tàng, nhằm chuẩn hoá theo các nước phát triển, để từ đó tạo điều kiện cho sự hoà nhập vào tổ chức ICOM.

Nhìn chung, thông qua sự chuyển giao kỹ thuật và sự áp dụng nhiều phương pháp của khoa học tự nhiên vào bảo quản hiện vật, đã cho các nhà bảo quản Việt Nam nói chung, BTL SVN nói riêng thấy được sự cần thiết phải có máy móc tham gia trước khi thực hiện bảo quản. Từ tủ lạnh sâu, đèn bể ly tâm, kính phóng... đã khiến cho việc bảo quản hiện vật đúng theo phương pháp, không bị tác dụng phụ của hoá chất.

Trong lĩnh vực bảo quản của BTL SVN còn phải đối mặt với những "xác ướp", cách ngày nay khoảng từ 300-400 năm. Các nhà hoá học đã cùng phối hợp để làm công việc này, nhằm giữ lại da thịt "xác ướp",

những trang phục, đồ khâm liệm, hiện vật chôn theo được lâu dài hơn. Đây là một lĩnh vực vô cùng khó khăn và phức tạp, không chỉ đòi hỏi kỹ thuật cao, thiết bị hiện đại, mà còn cần kinh phí lớn.

Trên đây là một vài ví dụ về việc phối hợp đa - liên ngành trong lĩnh vực bảo quản của BTL SVN. Còn rất nhiều ví dụ khác, cần có sự hỗ trợ của môi trường, khí hậu, độ ẩm..., mà ở mỗi điều kiện, mỗi chất liệu hiện vật khác nhau, các nhà bảo quản phải thực hiện cho phù hợp. Thực tế ấy không thể bỏ qua những ứng dụng và sự tham gia của nhiều ngành.

3- Công tác trưng bày - tuyên truyền.

Được sự đầu tư của Bộ VHTT, sự giúp đỡ của nhiều Cục, Vụ chức năng và các Bảo tàng bạn, từ năm 2000 BTL SVN đã hoàn thiện một hệ thống trưng bày chính, được khách tham quan, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá tương đối tốt. Để hoàn thành đợt chỉnh lý trưng bày có chất lượng trên, BTL SVN đã phải phối hợp nghiên cứu liên ngành, đa ngành, mong đưa ra được hệ thống trưng bày có ấn tượng, nhằm nâng cao tính thẩm mỹ và giáo dục cao. Ví dụ như, khi thể hiện sự tiến hoá từ loài vượn thành người, "con người nguyên thủy" đã trải qua hàng triệu năm với bao nhánh cụt, để chỉ còn một nhánh duy nhất là người khôn ngoan (Homosapien) được hoàn thiện. Nhiều tài liệu cổ nhân, cổ sinh học được huy động từ các kết quả về nhân học, tích lũy từ hàng trăm năm trên khắp

mọi nơi trên thế giới. Khi thể hiện sơ đồ tiến hoá ấy bằng hình tượng, các nhà cổ nhân phải đến đo từng chi tiết của độ vầu răng, mũi, hốc mắt... Vì lẽ đó tính khoa học được bảo đảm. Trong phòng trưng bày về thời tiền sử Việt Nam, các nhà khảo cổ học đã phối hợp với các nhà cổ nhân, cổ sinh, môi trường, địa chất... đưa ra được những chú thích chính xác và khoa học những tên gọi của người cổ, quần động thực vật cổ, quần động vật nước mặn, nước ngọt... là thức ăn do săn bắt và hái lượm đem lại. Họ cũng đã khôi phục được cảnh quan khí hậu của thời văn hoá Hoà Bình, Bắc Sơn, thông qua một tổ hợp con người ở trong hang động, đốt lửa, chế tác công cụ cuội và săn bắt hái lượm ở những thung lũng trước hang. Để dựng lại cảnh quan này, không chỉ có các nhà cổ khí hậu, mà còn phải có sự tham gia của các nhà dân tộc học được kết hợp chặt chẽ với các nhà khảo cổ học tiền sử.

Trong phần sơ sử, bằng phương pháp dân tộc học lịch sử và thực nghiệm, phòng trưng bày đã khôi phục được nhiều dạng hình công cụ, vũ khí của người thời Đông Sơn: từ những chiếc cây được phục dựng đến những chiếc rìu, lao, giáo được tra cán, những chiếc bếp đun của người sơ sử... đều được tra cứu từ nhiều nguồn tư liệu của dân tộc học, của thực nghiệm so sánh... Hứng tiếp cận dân tộc học trưng bày bảo tàng đang trở thành một phương pháp phổ biến đối với bảo tàng hiện đại. Những quy trình sản xuất đồ gốm thời tiền - sơ sử, những công xưởng chế tác công cụ và đồ trang sức trong những

khâu đoạn luyện kim, trong thời đại đồ đồng, đã được các nhà nghiên cứu chắt ra từ thực tiễn khảo cổ học sống động và quan sát dân tộc học có sức thuyết phục để trình bày toàn bộ chu trình khép kín của các ngành nghề thủ công truyền thống, tạo cho những phần trưng bày có sức sống, phần hơi thở quá khứ đến với người xem.

Trong những phần trưng bày thời kỳ lịch sử, nhiều lễ hội văn hoá dân gian được tái tạo dưới dạng thức phim tư liệu, phần mềm trong màn hình cảm ứng, để giúp người xem hiểu hơn những hiện vật trưng bày ở bảo tàng đã tham gia vào cuộc sống thường nhật trong quá khứ như thế nào.

Sự phong phú của hiện vật trưng bày đã thu hút được khách tham quan, nhưng hỗ trợ cho nó phải có một thủ pháp trưng bày ấn tượng từ giải pháp mỹ thuật, ánh sáng, âm thanh... Trong lĩnh vực này, BTLSVN đã có nhiều trăn trở, suy nghĩ, song vẫn chưa thực sự hài lòng cho dù giới mỹ thuật, kỹ thuật ánh sáng đã được tranh thủ, nhưng kinh phí đầu tư, cấu trúc ngôi nhà không cho phép có một phương án tối ưu hơn.

Một hệ thống trưng bày hấp dẫn đã tự nó thu hút khách tham quan, tuy nhiên muốn khách tham quan đến với bảo tàng ngày một đông hơn, thì những cán bộ thuyết minh phải tiếp cận nhiều hứng và trong đó phải nghiên cứu tâm lý của từng đối tượng khách. Ngoài việc học tập trao đổi với ngành du lịch, ngành giáo dục, theo tinh thần tự học, Bảo tàng còn có dự án với bảo tàng Malmo (Thụy Điển) để mở lớp tập huấn

"Làm thế nào để thu hút khách tham quan tới bảo tàng?". Với dự án này, hứng tiếp cận liên ngành, đa ngành sẽ mở rộng hơn mà trong đó, kể cả ngành học tiếp thị marketing. Vì lẽ đó, số lượng khách tham quan BTLSVN mỗi năm một tăng hơn, từ 100.000 lượt (2001) lên 125.000 lượt (2002). Đặc biệt khách Việt Nam có tỷ lệ tương đương với khách ngoại quốc trong những năm gần đây. Lễ đương nhiên, điều đó cũng phần nào phụ thuộc vào yếu tố khách quan khi Việt Nam trở thành điểm đến của thiên niên kỷ mới, khi định hướng của Đảng và Nhà nước tập trung mũi nhọn cho sự phát triển ngành công nghiệp không khói này.

Trên đây, chúng tôi không dám đặt ra những vấn đề lý thuyết về phương pháp liên-đa ngành trong hoạt động của BTLSVN mà chỉ dám nói những điều đã làm, chúng tôi hiểu chúng là sự thể hiện của phương pháp tiếp cận thực sự đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực, rất cần được tiếp tục phát huy. BTLSVN luôn tâm niệm phương pháp tiếp cận này trên các mặt công tác mà mình đang đảm trách.

P.Q.Q

1- Là một địa điểm khảo cổ học hiếm hoi, nổi tiếng ở Việt Nam thuộc thời đại đá cũ có kỹ nghệ mảnh tước.

2- Thoạt đầu khi mới phát hiện, có nhà khảo cổ học cho đây là những di vật được tạo bởi quá trình vun gốc sản của cư dân làm nương hiện đại, trong quá trình va đập giữa cuội tự nhiên và cuốc mà thành.